

Số: /TB-SNN

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, 3, 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng thông báo Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, 3, 4 thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng (đính kèm Phụ lục).

Thông tin chi tiết của từng TTHC thuộc các lĩnh vực, đề nghị các tổ chức, cá nhân quan tâm truy cập theo địa chỉ dichvucong.soctrang.gov.vn (vào mục Thủ tục hành chính, chọn đơn vị Sở Nông nghiệp và PTNT); hoặc truy cập theo địa chỉ motcua.sonnptnt.soctrang.gov.vn để thực hiện; hoặc liên hệ trực tiếp Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Sóc Trăng (số 19, đường Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tại Quầy 28 và 29, Tầng trệt, điện thoại 0299 3879789, gặp Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng).

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng thông báo đến các tổ chức, cá nhân được biết để tham gia thực hiện./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các đơn vị, phòng chức năng thuộc Sở;
- Các phòng Kinh tế thành phố, thị xã;
- Các phòng NNPTNT các huyện;
- Lưu: VT, VP, Công TTĐT Sở.

GIÁM ĐỐC

PHỤ LỤC

Danh mục TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 2, 3, 4
(Kèm theo Thông báo số /TB-SNN ngày tháng 10 năm 2020
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng)

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mức độ
1.	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm	2
2.	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	Bảo hiểm	2
3.	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	2
4.	Kiểm tra chất lượng Muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	2
5.	Kiểm tra nhà nước về An toàn thực phẩm Muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	2
6.	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	2
7.	Phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp	2
8.	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên	Lâm nghiệp	2
9.	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối với khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý	Lâm nghiệp	2
10.	Cấp Giấy chứng nhận Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Nông nghiệp	2
11.	Cấp lại Giấy chứng nhận Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong trường hợp Giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng bị mất hoặc bị hư hỏng	Nông nghiệp	2
12.	Cấp lại Giấy chứng nhận Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong trường hợp Giấy chứng nhận sắp hết hạn	Nông nghiệp	2
13.	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Phòng, chống thiên tai	2

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mức độ
14.	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Phòng, chống thiên tai	2
15.	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Phòng, chống thiên tai	2
16.	Cấp Giấy chứng nhận Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật Thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Thú y	2
17.	Cấp Giấy chứng nhận Kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật Trên cạn vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh	Thú y	2
18.	Kiểm dịch đối với động vật Thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật Thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm	Thú y	2
19.	Cấp Gia hạn, Điều chỉnh nội dung Giấy phép hoạt động Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	2
20.	Cấp Gia hạn, Điều chỉnh nội dung Giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	2
21.	Cấp Gia hạn, Điều chỉnh nội dung Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	2
22.	Cấp Gia hạn, Điều chỉnh nội dung Giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	2
23.	Cấp Gia hạn, Điều chỉnh nội dung Giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	2

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mức độ
24.	Cấp Giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	2
25.	Cấp Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	2
26.	Cấp Giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh	Thủy lợi	2
27.	Cấp Giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	2
28.	Cấp Giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	2
29.	Cấp Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	2
30.	Phê duyệt Phương án, Điều chỉnh Phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	Thủy lợi	2
31.	Phê duyệt, Điều chỉnh Quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	Thủy lợi	2
32.	Thẩm định, Phê duyệt Phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Thủy lợi	2
33.	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	Thủy sản	2
34.	Xác nhận bảng kê lâm sản	Lâm nghiệp	3
35.	Công nhận Làng nghề	Nông nghiệp	3
36.	Công nhận Làng nghề truyền thống	Nông nghiệp	3
37.	Công nhận Nghề truyền thống	Nông nghiệp	3
38.	Hỗ trợ dự án liên kết	Nông nghiệp	3

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mức độ
39.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Nông nghiệp	3
40.	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở An toàn dịch bệnh động vật (Trên cạn hoặc Thủy sản)	Thú y	3
41.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở An toàn dịch bệnh động vật (Trên cạn và Thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	Thú y	3
42.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở An toàn dịch bệnh động vật Thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	Thú y	3
43.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở An toàn dịch bệnh động vật Thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	Thú y	3
44.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở An toàn dịch bệnh động vật Trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	Thú y	3
45.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (Trên cạn và Thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	Thú y	3
46.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở An toàn dịch bệnh động vật Thủy sản	Thú y	3
47.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở An toàn dịch bệnh động vật Trên cạn	Thú y	3
48.	Cấp lại Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	3
49.	Cấp lại Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	Thủy lợi	3
50.	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	Thủy sản	3
51.	Cấp phép Nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	Thủy sản	3

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mức độ
52.	Cấp, Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	Thủy sản	3
53.	Cấp, Cấp lại Giấy chứng nhận Nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	Thủy sản	3
54.	Công bố mở cảng loại 2	Thủy sản	3
55.	Xác nhận Nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	Thủy sản	3
56.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán Phân bón	Bảo vệ thực vật	4
57.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện Buôn bán Thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	4
58.	Cấp Giấy phép Vận chuyển Thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	4
59.	Cấp Giấy xác nhận Nội dung quảng cáo Thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	4
60.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán Phân bón	Bảo vệ thực vật	4
61.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện Buôn bán Thuốc bảo vệ thực vật	Bảo vệ thực vật	4
62.	Xác nhận Nội dung quảng cáo Phân bón	Bảo vệ thực vật	4
63.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi Trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi	4
64.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất Thức ăn chăn nuôi thương mại, Thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Chăn nuôi	4
65.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi Trang trại quy mô lớn	Chăn nuôi	4
66.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất Thức ăn chăn nuôi thương mại, Thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Chăn nuôi	4
67.	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp	4
68.	Đăng ký Mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	Lâm nghiệp	4
69.	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Lâm nghiệp	4
70.	Nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	Lâm nghiệp	4

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mức độ
71.	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	Lâm nghiệp	4
72.	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư	Lâm nghiệp	4
73.	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích khác	Lâm nghiệp	4
74.	Đăng ký công bố hợp quy	Nông nghiệp	4
75.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản	Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản	4
76.	Cấp Giấy chứng nhận Xuất xứ nhãn thể 2 mảnh vỏ	Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản	4
77.	Cấp Giấy xác nhận Kiến thức về An toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản	4
78.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận)	Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản	4
79.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện An toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản	4
80.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở An toàn dịch bệnh động vật Trên cạn	Thú y	4
81.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện Buôn bán Thuốc thú y	Thú y	4
82.	Cấp Giấy xác nhận Nội dung quảng cáo thuốc thú y	Thú y	4
83.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y)	Thú y	4
84.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện Buôn bán Thuốc thú y	Thú y	4

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mức độ
85.	Cấp, Cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện Vệ sinh thú y	Thú y	4
86.	Cấp, Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Thú y	4
87.	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	Thủy sản	4
88.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	Thủy sản	4
89.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản	4
90.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Thủy sản	4
91.	Cấp văn bản Chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	Thủy sản	4
92.	Cấp, Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	Thủy sản	4
93.	Cấp, Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	Thủy sản	4
94.	Cấp, Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	Thủy sản	4
95.	Cấp, Cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản	Thủy sản	4
96.	Cấp, Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Thủy sản	4
97.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	Thủy sản	4
98.	Sửa đổi, Bổ sung nội dung Quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	Thủy sản	4
99.	Xác nhận Nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Thủy sản	4
100.	Xác nhận Nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Thủy sản	4

TT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Mức độ
101.	Xóa đăng ký tàu cá	Thủy sản	4
102.	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	Trồng trọt	4